

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐINH QUANG HỒ
(THÍCH QUẢNG TÙNG)

BẢN THỂ LUẬN PHẬT GIÁO
TRONG KINH VIÊN GIÁC, KINH HOA NGHIÊM,
KINH LĂNG NGHIÊM

Chuyên ngành: CNDVBC & CNDVLS

Mã số: 62.22.80.05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI, 2016

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐINH QUANG HỒ
(THÍCH QUẢNG TÙNG)

BẢN THẺ LUẬN PHẬT GIÁO
TRONG KINH VIÊN GIÁC, KINH HOA NGHIÊM,
KINH LĂNG NGHIÊM

Chuyên ngành: CNDVBC & CNDVLS

Mã số: 62.22.80.05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu, số liệu trích dẫn trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Đinh Quang Hồ
(Thích Quảng Tùng)

MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan	
Mục lục	
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án.....	4
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án.....	5
7. Kết cấu của luận án	5
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	6
1.1. Những công trình nghiên cứu về Phật giáo và Phật giáo Việt Nam	6
1.2. Những công trình nghiên cứu về bản thể luận trong triết học và triết học Phật giáo	11
1.3. Những công trình nghiên cứu về Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm	13
1.4. Chú giải một số thuật ngữ trong luận án và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu	15
1.4.1. Chú giải một số thuật ngữ trong luận án	15
1.4.2. Một số vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu	26
CHƯƠNG 2. BẢN THỂ LUẬN VÀ BẢN THỂ LUẬN PHẬT GIÁO	28
2.1. Vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học	28
2.1.1. Một số quan niệm bản thể luận trong triết học phương Tây.....	28
2.1.2. Một số quan niệm bản thể luận trong triết học phương Đông	34

2.2. Quan niệm về bản thể của Phật giáo	45
2.2.1. Thuyết bản thể “Thực hữu”	46
2.2.2. Thuyết bản thể “Tính không”	49
2.2.3. Thuyết bản thể “Tâm thức”	54
2.2.4. Thuyết bản thể “Duy thức”	58
2.2.5. Một số quan niệm bản thể luận của Phật giáo Việt Nam.....	65
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	69
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ NỘI DUNG BẢN THỂ LUẬN TRONG KINH VIÊN GIÁC, KINH HOA NGHIÊM, KINH LĂNG NGHIÊM.....	72
3.1. Giới Thiệu về Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm.....	72
3.1.1. Giới thiệu về Kinh Viên Giác	72
3.1.2. Giới thiệu về Kinh Hoa Nghiêm	75
3.1.3. Giới thiệu về Kinh Lăng Nghiêm.....	79
3.2. Quan niệm của Phật giáo về Bản thể trong Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Lăng Nghiêm	81
3.2.1. Bản thể là gì?.....	81
3.2.2. Tính chất của bản thể: "Tâm thanh tịnh" từ tận cùng khách quan - chủ quan.....	86
3.2.3. Sự hiển lộ của bản thể thông qua trí tuệ.....	90
3.2.4. Sự phân biệt bản thể và hiện tượng.....	98
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	102
CHƯƠNG 4. SỰ NHẬN CHÂN VỀ BẢN THỂ VÀ CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ BẢN THỂ TRONG KINH VIÊN GIÁC, KINH HOA NGHIÊM VÀ KINH LĂNG NGHIÊM	105
4.1. Sự nhận chân về bản thể.....	105
4.1.1. Cái "biết" bằng tuệ giác và cái "biết" bằng khái niệm	105

4.1.2. Pháp giới với tư cách là bản thể chung của vạn pháp	113
4.2. Con đường trở về bản thể.....	116
4.2.1. Phương cách tu hành với tư cách là cách thức để tìm về bản thể	116
4.2.2. Con đường đạt tới sự chứng ngộ (Đường về bản thể)	124
4.3. Một số giá trị và hạn chế trong quan niệm về bản thể của triết học Phật giáo trong kinh Viên Giác, kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm	140
4.3.1. Giá trị.....	140
4.3.2. Hạn chế.....	145
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4	146
KẾT LUẬN	148
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Bản thể luận là một trong những nội dung cơ bản của triết học luôn được các nhà triết học đề cập đến, bất luận theo quan điểm, trường phái nào. Những quan niệm về bản thể có thể rất khác nhau, nhưng tựu trung lại theo cách này hay cách khác, ở trình độ lý luận hay chỉ là những quan niệm có tính rời rạc thì đều nhằm tới việc lý giải sự tồn tại hiện thực rất đa dạng từ bản chất, cội nguồn, khởi nguyên của nó.

Phật giáo được gọi là Đạo giác ngộ. Là một tôn giáo - triết học, với tâm từ bi, cứu khổ của Đức Phật mong giải thoát hết thảy mọi chúng sinh bằng con đường đốn ngộ vô chấp, vô trụ, không phân biệt đẳng cấp, tầng lớp hay giới tính, vượt lên mọi đối nghịch. Mặc dù nội dung chủ yếu của Phật giáo là bàn về vấn đề *giải thoát* - đưa chúng sinh thoát khỏi nỗi khổ đau của cuộc đời hiện thực, nhưng với tư cách là một học thuyết mang đậm tính triết học, những tư tưởng của Phật giáo cũng luận bàn nhiều những vấn đề của triết học như quan niệm về bản chất của sự tồn tại của thế giới (bản thể luận), về sự tồn tại của con người và ý nghĩa của cuộc sống (nhân sinh quan). Những quan niệm về “pháp”, “bản thể”, “tâm”, “vô thường”, “vô ngã”, “nhân duyên”, “sắc - không”, “nhân quả”, “luân hồi”, “nghiệp báo”, “thập nhị nhân duyên”, “tứ diệu đế”, “giải thoát”, “Niết Bàn”... xét đến cùng đều hướng tới lý giải căn nguyên tồn tại của thế giới, những biểu hiện và sự biến dịch không ngừng của vạn vật nhằm đạt tới mục đích cuối cùng là giải thoát.

Phật giáo Ấn Độ từ thời kỳ bộ phái đến nay, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa vốn rất coi trọng việc tìm tòi và luận giải các vấn đề như bản chất cuối cùng của vũ trụ vạn vật, bản tính chân thực của tất thảy tồn tại, bản nguyên của chúng sinh và luận cứ thành Phật v.v..., đã xây dựng học thuyết về bản thể

với nội dung phong phú. Phật giáo Ấn Độ đã trải qua nhiều quá trình diễn biến lâu dài, tư tưởng triết học bản thể của nó cũng theo đó phát triển không ngừng và có nhiều thay đổi trong từng học phái.

Nghiên cứu về bản thể luận Phật giáo để làm rõ khía cạnh triết học của một tôn giáo lớn, khai thác những giá trị tích cực của quan niệm này để hoằng dương giáo hóa giúp mọi người hiểu biết về giá trị của giáo lý Phật giáo luôn là mối quan tâm không chỉ của các nhà tu hành trong Giáo hội Phật giáo mà của đông đảo các nhà khoa học ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Kinh Viên giác, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Lăng Nghiêm là những bộ kinh đồ sộ trong kho tàng kinh điển của Phật giáo thuộc phái Đại thừa. Đây là những bộ kinh hàm chứa nội dung tính “nhất thừa viên giáo”, không thiên lệch giữa các pháp môn tu hành, không có sự phân cách giữa Đại thừa và Tiểu thừa, mà chỉ có “kiến tính thành Phật”. Ba bộ kinh này thường được đánh giá là những kinh điển quan trọng nhất của Phật giáo, ở đó Đức Phật muốn khai thị về *Tự tính Viên giác*, về bản thể *Chân Như* hay *Chân tâm thường trụ* của mỗi người. Mọi người đều có sẵn trong mình sự giác ngộ viên mãn như một bản thể không đổi mà sự hiện hữu của họ trên cõi đời chỉ là điều dụng, tùy duyên được sinh ra từ bản thể thanh tịnh đó. Khi con người tìm được các pháp môn tu hành thích hợp để giác ngộ là trở về *tự tính Viên giác*. Khi con người tiến được tới cái bản thể *Chân như* thì đó là thế giới đã vượt lên mọi sự đối đãi, bản thể tức là hiện tượng và ngược lại, để đạt tới bình đẳng tuyệt đối, đạt được sự tự do tuyệt đối về mặt tinh thần...

Với những tư tưởng như vậy nên các bộ kinh này mặc dù là sự chuyển tải những lời thuyết giảng của Đức Phật cho các vị Bồ tát và chúng sinh trên con đường tu tập để đạt đến Viên giác, nhưng trong đó lại bao hàm nhiều triết lý sâu xa của đạo Phật liên quan đến vấn đề bản thể luận trong triết học. Những bộ kinh này là minh chứng rõ nét nhất cho sự tồn tại trong triết học

Phật giáo, những tư tưởng sâu sắc về bản thể nhằm xoá bỏ địa vị, giai cấp, đạt đến tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng, hành vô hành hành.

Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá, với những vấn đề xã hội và tâm linh đang ngày càng phức tạp theo đà hưng thịnh của Phật giáo và một số tôn giáo khác thì càng cần nhiều những nghiên cứu sâu sắc hơn, khách quan hơn về những giá trị và hạn chế của các tư tưởng tôn giáo để có thể khai thác khía cạnh tích cực và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của đời sống xã hội.

Để góp phần làm rõ tính triết học trong những giáo lý của Phật giáo thông qua những quan niệm của đạo Phật về thế giới, về con người, nhằm chỉ ra những giá trị học thuật của tư tưởng Phật giáo không chỉ từ phương diện tôn giáo, mà chủ yếu từ phương diện triết học, lại là nhà tu hành đang theo học ngành triết học, tôi mạnh dạn chọn vấn đề “***Bản thể luận Phật giáo trong Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm***” làm công trình nghiên cứu trong luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về bản thể luận và bản thể luận Phật giáo, luận án phân tích quan niệm về bản thể trong triết học Phật giáo thể hiện trong Kinh Viên giác, Kinh Hoa nghiêm, Kinh Lăng nghiêm, từ đó chỉ ra các giá trị của những quan điểm này trong kho tàng kinh điển Phật giáo.

2.2. Nhiệm vụ

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận chung về bản thể luận và bản thể luận Phật giáo.

- Giới thiệu về Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm và phân tích quan niệm của Phật giáo về bản thể luận thể hiện qua các bộ Kinh này.

- Nêu các giá trị và hạn chế trong quan niệm bản thể luận của triết học Phật giáo trong các bộ Kinh trên.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là các quan điểm của các nhà kinh điển triết học Mác – Lênin về tôn giáo; các quan điểm khoa học trong nghiên cứu tư tưởng tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng và các Kinh, Luận Phật giáo.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu của phép biện chứng duy vật kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khác như: phân tích, tổng hợp, lô gích- lịch sử, khái quát hoá, nghiên cứu văn bản.v.v..

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư tưởng bản thể luận của triết học Phật giáo.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu tư tưởng bản thể luận của Phật giáo thể hiện trong Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

- Luận án trình bày một cách hệ thống và khái quát một số quan niệm cơ bản của Phật giáo về Bản thể thông qua tư tưởng của một số bộ phái Phật giáo qua các thời kỳ.

- Luận án trình bày và phân tích những nội dung cơ bản quan niệm về bản thể luận Phật giáo được thể hiện trong Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Lăng Nghiêm.

- Luận án đưa ra những đánh giá khoa học về giá trị và hạn chế trong quan niệm bản thể luận của triết học Phật giáo.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm sáng tỏ những tư tưởng cơ bản trong triết học Phật giáo về bản thể, chỉ ra những giá trị và hạn chế của những quan điểm này đối với nền học thuật xã hội hiện đại ngày nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh trong học tập và nghiên cứu các học phần lịch sử triết học phương Đông, tôn giáo học, triết học Phật giáo.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình của tác giả và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương, 11 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Nghiên cứu về Phật giáo ở ngoài nước và ở nước ta lâu nay đã không chỉ dành được sự quan tâm của các nhà tu hành mà còn của đông đảo các học giả ở các lĩnh vực khoa học khác nhau như: Triết học, Sử học, Tôn giáo học, Mỹ học, Nhân học...

Có thể chia các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án thành các mảng vấn đề sau:

1.1. Những công trình nghiên cứu về Phật giáo và Phật giáo Việt Nam

Công trình viết về Phật giáo của học giả người Nhật bản Kimura Taiken: *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận* và *Tiểu thừa Phật giáo tư tưởng luận*, (người dịch Thích Quảng Độ). Là người tinh thông các kinh điển Vệ Đà và Upanishads, rất giỏi phạm ngữ, ông đã nghiên cứu sâu sắc những tư tưởng thâm thúy của Đại thừa Phật giáo và Tiểu thừa Phật giáo, chỉ ra nguồn gốc, tính chất, kinh điển và những tư tưởng chủ yếu của các luồng tư tưởng này. Theo ông: “Tinh thần căn bản của Phật giáo là căn cứ trên cái tâm để nhận định pháp tắc duyên sinh, rồi lại căn cứ vào pháp tắc duyên sinh để phê phán sự vật một cách có lý luận và thực tiễn” [30, tr.31].

Công trình *Triết học và tôn giáo Phương Đông* của Diane Morgan, Nhà xuất bản Tôn giáo, 2006, ngoài phần mô tả các tôn giáo ở Phương Đông như Ấn Độ giáo, Khổng giáo và Lão giáo, đã dành hẳn một chương để khái quát về Phật giáo với tư cách là một tôn giáo đặc sắc của phương Đông. Qua phần khái quát những nội dung cơ bản của Phật giáo: từ cuộc đời, lời dạy của Đức Phật đến các phái bộ cũng như giáo lý của Phật giáo đã cung cấp cho người đọc những kiến thức cơ bản về tôn giáo này.

Công trình *Đạo Phật và đời sống hiện đại* của K. Sri Dhammananda - một học giả uyên bác và cũng là Đại Lão Hòa Thượng Tăng Thống Mã Lai (Thích Tâm Quang dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006). Đây là công trình quảng bá về giá trị đạo đức của đạo Phật, coi đó là một hệ thống đạo đức toàn diện. Nó thích hợp cho mọi tầng lớp: với người bình thường, nó cung cấp một quy tắc luân lý, một sự thờ phượng đầy đủ, và niềm hy vọng một cuộc sống tại thiên đường. Thông qua bài giảng về mối quan hệ giữa đạo Phật và đời sống hiện tại, cùng với việc giải thích các thuật ngữ dùng trong tôn giáo, tác giả K. Sri Dhammananda muốn nhấn mạnh giáo lý căn bản của đạo Phật vẫn là sự tự thanh tịnh hóa con người. Sự tiến bộ về tinh thần không thể đạt được đối với người không có cuộc sống trong sạch và từ bi. Đức Phật chỉ cho các đệ tử thấy trên thế giới này cái gì là phải, cái gì là trái, cái gì tốt, cái gì xấu.

Nghiên cứu Phật giáo ở những khía cạnh đặc sắc của Phật giáo trong đời sống xã hội có công trình *Những điểm đặc sắc của Phật giáo* của Lâm Thế Mẫn (Thích Chân Tính dịch, Nxb. Tôn giáo, 2006). Đây là công trình đã phân tích những nét đặc sắc của Phật giáo thể hiện trong giáo lý, trong việc thực hành tín ngưỡng Phật giáo; hướng dẫn một số điểm xung quanh yêu cầu trở thành tín đồ Phật giáo, giúp những tín đồ có thể thực hành và tin theo giáo pháp của Đức Phật một cách dễ hiểu nhất.

Kế đó, những nghiên cứu về Phật giáo, những vấn đề bản thể luận và nhân sinh quan với tư cách là các vấn đề triết học căn bản của Phật giáo cũng luôn được quan tâm chú ý triển khai. Công trình *Tứ diệu đế* là cuốn sách có tính chất kinh điển ghi lại những bài giảng của Đức Đạt - Lai Lạt Ma XIV (Nxb Tôn giáo, 2012), trong đó bằng ngôn ngữ hiện đại Đức Đạt - Lai Lạt Ma XIV đã dẫn dắt người đọc đến với nội dung cơ bản nhất trong giáo lý của Phật giáo: Tứ diệu đế, giúp người đọc hình dung phần nào những giáo pháp cơ bản

của Phật giáo được áp dụng để giải thích và quán chiếu, nhằm khai mở con đường nhận thức ra đau khổ, dẹp bỏ nó để đi đến hạnh phúc viên mãn.

Trong số những nhà nghiên cứu Việt Nam về Phật giáo, đầu tiên phải kể đến tác giả Trần Trọng Kim với ba công trình tiêu biểu là *Phật lục* (1940) Nxb Lê Thăng, Hà Nội, *Phật học* (2007) Nxb Tôn giáo và *Phật giáo* (2010), Nxb Tôn giáo, tiếp đó là Nguyễn Lang với ba tập: *Việt Nam Phật giáo sử luận* (2010), Nxb Văn học, và Lê Mạnh Thát với *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (2005, 2006), Nxb TP HCM, Nguyễn Duy Hình với *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam* (1999), Nxb Khoa học xã hội.v.v..

Các công trình trên đã trình bày những nét khái quát căn bản về Phật giáo, từ các điển tích, đến ý nghĩa thờ phụng chư Phật và Bồ tát cũng như cách bài trí tượng Phật ở một số chùa tiêu biểu ở Việt Nam; những đặc điểm và các trường phái cơ bản của Phật giáo Việt Nam, bước chuyển của Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ và mối quan hệ của đạo Phật với đời sống xã hội. Đây là những công trình đã cung cấp những dữ liệu phong phú, toàn diện cho việc nghiên cứu Phật giáo nói chung và Phật giáo ở Việt Nam nói riêng.

Lịch sử Phật giáo đã được đề cập đến trong rất nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử tôn giáo thế giới nói chung và lịch sử Phật giáo nói riêng. Trong đó chúng tôi chú ý đến công trình *Thế giới Phật giáo: Phương diện lịch sử văn hoá và minh triết* của Điền Đăng Nhiên do Thích Ngộ Thành dịch. Trong công trình này, tác giả trình bày một cách hệ thống những khái niệm chính liên quan đến Phật giáo, quá trình truyền thừa của Phật giáo, tu hành Phật giáo, kinh sách Phật giáo, cuộc sống thường nhật của tăng chúng, nghệ thuật Phật giáo... Công trình *Phật giáo Việt Nam và Thế giới* của Thiền sư Định Lực và Cư sĩ Nhất Tâm khái lược về Phật giáo, những vấn đề cơ bản của Phật pháp và Thiền, tôn giáo hiện hành và sự ảnh hưởng của nó tới văn hoá, kinh tế, chính trị của các quốc gia, các dân tộc. Các công trình này cung cấp

cho độc giả những hiểu biết chung nhất về Phật giáo với tư cách là một tôn giáo lớn trên thế giới.

Cần phải kể đến cuốn *Đại cương triết học Phật giáo* của Thích Đạo Quang, Nxb Hương Sen (không rõ năm xuất bản). Đây là cuốn sách do một nhà tu hành biên soạn gồm ba tập: tập thứ nhất: Tự luận; Tập thứ hai: Bản luận; Tập thứ ba: Các luận. Trong các công trình này, bằng việc trình bày những giáo lý căn bản của Phật giáo, dưới góc nhìn triết học, tác giả đã luận giải một cách khái quát những nội dung tư tưởng căn bản của Phật giáo như: thuyết duyên khởi; thuyết thật tướng; vấn đề giải thoát... Cuốn: *Phật học quán nghi* của Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm là cuốn sách Phật học mang tính phổ thông. Tác giả cuốn sách đã khái quát những vấn đề Phật học thường gặp dưới dạng các câu hỏi để giảng giải về giáo lý của Đức Phật với sự kiến giải phong phú, sinh động giúp người đọc không chỉ thu nạp những tri thức Phật học mà còn được chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trên con đường tu tập. Cuốn *Lời giáo huấn của Phật đà* của Walpola Rahula, do Ngô Đức Thọ dịch, nhà xuất bản tôn giáo, Hà Nội, 1999 cũng đã trình bày rất cô đọng, dễ hiểu giáo lý Phật giáo như nguồn gốc, quan điểm tôn giáo của đạo Phật; kiến giải về nỗi khổ và con đường giải thoát.... Ngoài ra, còn phải kể đến một số công trình như: Cuốn *Đối thoại giữa Triết học và Phật giáo* của Jean Francois Revel và Matthieu Ricard do Hồ Hữu Hưng dịch, *Phật giáo những vấn đề Triết học* của Ngô Văn Doanh và Nguyễn Hùng Hậu dịch, *Đức Phật và Phật pháp* do Phạm Kim Khánh dịch, *Phật học cơ bản* của Ban Hoằng pháp Trung ương, Cuốn *Bước đầu học Phật* của Hòa thượng Thích Thanh Từ, *Con đường thành Phật* của Pháp sư Ân Thuận, *Tôn giáo khái niệm và lịch sử* của Thích Nguyên Hạnh, *Tìm hiểu Đạo Phật* của Khantipalo do Tỳ kheo Thích Chơn Thiện dịch, *Triết học Phật giáo* của Nguyễn Duy Hình... những công trình này, tùy ở góc độ tiếp cận và cách phân tích có thể khác nhau, nhưng nhìn

chung đều cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Phật giáo với tư cách là một tôn giáo, đồng thời thể hiện những tư tưởng triết học.

Công trình *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* của Viện Triết học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam xuất bản (Nxb Khoa học Xã hội, 1988), là công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khi du nhập cho đến thời kỳ pháp thuộc. Bám theo dòng lịch sử, công trình đã khái quát được quá trình phát triển cũng như các giai đoạn thăng trầm của Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là sự ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo lên các nhà tư tưởng Việt Nam: “ảnh hưởng của Phật học đã vào thơ Nguyễn Trãi làm phong phú tâm hồn, tình cảm..., làm nên khía cạnh từ bi đã hun đúc trong Nguyễn Trãi lòng yêu nước, thương dân” [63, tr.277].

Công trình *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* do Nguyễn Tài Thư (chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, cũng làm rõ lịch sử du nhập và quá trình phát triển của Phật giáo; các tông phái Phật giáo và phân tích vai trò của Phật giáo đối với lĩnh vực tư tưởng chính trị trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam.

Ngoài ra, cần phải kể đến nhiều công trình khác của các nhà nghiên cứu tên tuổi như Hà Văn Tấn...; hoặc của các nhà sư như Thích Thanh Từ, Thích Đồng Bôn... hay các cuốn sách *Một số tôn giáo ở Việt Nam* của tác giả Nguyễn Thanh Xuân; Nxb Thế giới, Hà Nội 2009, *Mấy vấn đề về Phật giáo trong lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Đức Sự, Lê Tâm Đắc, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2010 và nhiều nữa cũng cung cấp các thông tin quý báu về lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Trong các công trình trên, các tác giả đã hệ thống hóa toàn bộ lịch sử, quá trình ra đời, phát triển, sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam, những nội dung giáo lý cơ bản và mối quan hệ cũng như quá trình tiếp biến của Phật giáo với văn hóa, tín ngưỡng truyền thống Việt nam, tạo nên Phật giáo Việt Nam.

1.2. Những công trình nghiên cứu về bản thể luận trong triết học và triết học Phật giáo

Qua khảo sát chúng tôi thấy rằng, những công trình nghiên cứu riêng về nội dung này rất ít, nó chủ yếu được nêu trong các nghiên cứu chung về triết học hay về Phật giáo và trong những công trình khoa học có liên quan đến các vấn đề của tôn tại. Có thể kể ra một số công trình tiêu biểu sau:

Công trình của Nguyễn Hữu Vui (Chủ biên): *Lịch sử triết học* đã giới thiệu toàn bộ những quan niệm trong lịch sử triết học phương Đông và phương Tây, trong đó đề cập đến quan niệm bản thể luận của các trường phái triết học qua giai đoạn lịch sử khác nhau; Bài viết *Bản thể luận và cách tiếp cận bản thể luận trong triết học phương Tây* của tác giả Nguyễn Chí Hiếu (Triết học số 6/2007) là một phần luận án tiến sĩ của tác giả bảo vệ năm 2010. Trong các công trình này, từ việc phân tích khái niệm bản thể luận ở những nội hàm cơ bản, tác giả đã điếm qua một cách có hệ thống các quan niệm về bản thể luận trong lịch sử tư tưởng triết học ở phương Tây, đặc biệt là quan niệm về bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức. Trong cuốn *Lý giải tôn giáo* của Trác Tân bình, Nxb Hà Nội năm 2007, từ tầm nhìn và góc độ văn hóa thế giới, tác giả cuốn sách đã đưa ra những lý giải, đánh giá các tôn giáo lớn trên thế giới và ở Trung Quốc, trong đó có những luận giải vấn đề quan niệm về bản thể của giáo lý Phật giáo. Công trình *Mười tôn giáo lớn trên thế giới* của Hoàng Tâm Xuyên chủ biên, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, là cuốn sách tập trung giới thiệu khái quát bối cảnh ra đời, quá trình phát triển, phân phái, giáo lý kinh điển của các tôn giáo với những quan niệm về tôn tại khác nhau, trong đó có quan niệm về tôn tại (tức là bản thể luận) của Phật giáo...

Bàn về những nội dung của bản thể luận Phật giáo trong công trình *Tính không - cốt tủy triết học Phật giáo (nghiên cứu về Trung Quán Tông)*

(Huỳnh Ngọc Chiến dịch, Công ty sách Thời đại và nhà xuất bản Hồng Đức xuất bản năm 2013), tác giả T.R.V. Murti đã vạch ra nguồn gốc, lịch sử hình thành, phát triển của Trung quán tông, sự nỗ lực giải quyết xung đột từ hai quan niệm chính thống của triết học Ấn độ: một bên là hữu ngã luận hay *Thực thể thực tại luận* một bên là vô ngã luận hay *Dạng thức thực tại luận*, từ đó khẳng định rằng: Toàn bộ tư tưởng Phật giáo đều hướng về học thuyết Không Tính (Sūnyatā) của Trung Quán tông. Đây cũng chính là quan niệm về tồn tại của triết học Phật giáo, một trong những học thuyết được luận án khảo cứu trong quá trình nghiên cứu.

Bài viết *Vấn đề bản thể luận trong triết học Phật giáo thời Trần* của Đỗ Hương Giang, Tạp chí Triết học số 7/2010, lại là những nghiên cứu nghiêng về phân tích quan niệm bản thể luận theo cách hiểu ở phương Đông và Việt Nam. Trên cơ sở làm rõ khái niệm bản thể, tác giả khẳng định bản thể luận là một trong những vấn đề cơ bản của mọi hệ thống triết học nói chung và triết học Phật giáo nói riêng. Trong bài viết, tác giả đã luận chứng để làm rõ quan niệm về “bản thể” của triết học Phật giáo được thể hiện ở Phật giáo Việt Nam thời Trần.

Công trình *Những vấn đề triết học Phật giáo* của O.O. Rozenberg do Nguyễn Hùng Hậu và Ngô Đăng Doanh dịch đã đi sâu vào những vấn đề lý luận cơ bản của Phật giáo dựa trên các tư tưởng căn bản Trung Quốc và Nhật Bản. Trong công trình này, chúng tôi đặc biệt chú ý đến phần thứ 8 “Bản thể luận và nhận thức luận Phật giáo - tính hai nghĩa của những thuật ngữ”. Đây là tài liệu rất quan trọng giúp NCS khảo cứu khái niệm “bản thể luận”. Những vấn đề bản thể luận và nhận thức luận Phật giáo với tư cách là một nội dung tư tưởng triết học cũng được đề cập rải rác trong từng nội dung cụ thể hoặc toàn bộ giáo lý qua một số công trình tiêu biểu như: *Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam*, tập 1: Từ khởi nguyên đến thế kỷ XIV, của Nguyễn Hùng

Hậu, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002. Trong công trình này, tác giả Nguyễn Hùng Hậu đã dành hẳn chương cuối của cuốn sách để trình bày về nhân sinh quan Phật giáo và nhân sinh quan Phật giáo Việt Nam. Những lý giải của tác giả từ góc độ triết học không chỉ giúp người đọc hình dung một cách có hệ thống những tư tưởng cơ bản của nhân sinh quan Phật giáo từ quan niệm về con người đến quan niệm về cuộc đời người để từ đó khảo sát các quan niệm khác nhau về nhân sinh quan của Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, mà còn tiếp cận được một số khía cạnh về bản thể luận từ những quan niệm này. Công trình *Tu tuệ* của Đạt Lai Lạt Ma, Nxb Hồng Đức, 2013 là sự luận giải đề cao vai trò của trí tuệ trong quá trình tu tập, nhưng đồng thời cũng khẳng định cái bản thể *Tâm Như* như yếu tố khởi đầu và kết thúc của toàn bộ nhận thức và hiện thực của nó. Ngoài ra, còn một loạt các công trình, bài viết có liên quan đến vấn đề này như: *Phật giáo với văn hóa Việt Nam* của Nguyễn Đăng Duy; *Ảnh hưởng của tư tưởng triết học Phật giáo trong đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam* - Luận án tiến sĩ triết học của Lê Hữu Tuấn; *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay* của Nguyễn Tài Thư (chủ biên); *Trung Quán luận* (Thích Thiện Siêu dịch và giới thiệu), Lâm Như Tạng: *Thức thứ tám*; Nguyễn Thanh Tuấn: *Phật Giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu...* và nhiều bài viết được đăng tải trên các tạp chí như “Nghiên cứu Tôn giáo”, “Công tác tôn giáo”, “Khoa học xã hội”, “Triết học”, “Thông tin khoa học xã hội”.v.v., cũng ít nhiều đều có đề cập đến quan niệm bản thể luận của triết học Phật giáo.

1.3. Những công trình nghiên cứu về Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm

Các bộ kinh điển của Phật giáo gồm: Bộ *Kinh Lăng Nghiêm* của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Nxb Tôn giáo ấn hành 2009, người biên dịch là

Tâm minh Lê Đình Thám. Trong công trình này, toàn bộ nội dung của Kinh gồm 10 quyển và quá trình lưu truyền nó đã được người biên dịch cung cấp đầy đủ và chi tiết. Bộ Kinh *Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh* ở Trung Quốc có ba bản dịch từ tiếng Phạn. Tuy nhiên, dù là *Lục thập Hoa nghiêm*, *Bát thập Hoa nghiêm* thì nội dung và giáo lý đều không khác biệt. Ở Việt Nam chủ yếu dùng Bộ *Bát thập Hoa nghiêm* do Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch và xuất bản năm 1964. Bộ kinh *Đại phương quảng viên giác tu-đa-la-liễu nghĩa* có nguồn gốc từ tiếng Phạn, khi truyền sang Trung quốc được dịch ra chữ Hán. Khi vào Việt Nam, bộ Kinh này gọi là Kinh Viên Giác và cũng đã được dịch ra tiếng Việt.

Ngoài các bộ kinh điển gốc của Phật giáo thì các bộ kinh trên cũng được nhiều vị tu hành, các nhà nghiên cứu biên dịch và chú giải ở các góc độ khác nhau. Có thể kể ra một số công trình như: *Kinh Viên giác: Giáo án học viện Phật giáo Việt Nam* và *Kinh Viên Giác: Giáo án Trường cao cấp Phật học Việt Nam* (dịch và chú giải: Thích Thanh Kiêm), *Kinh Viên giác: Giảng giải* (Thích Thanh Từ), *Kinh Viên Giác: Luận giảng* (Thích Thông Huệ). Thích Từ Thông: *Như lai viên giác kinh - trực chỉ đề cương...* Các công trình này chủ yếu tập trung giới thiệu và giảng giải những nội dung của Bộ Kinh Viên giác, ý nghĩa, cách thức hiểu và thực hành theo nó. Trong các công trình này, đáng kể phải nói tới công trình: *Kinh Viên Giác luận giải* của Nghiêm Hoài Căn (Mai Xuân Hải, Lương Gia Tĩnh biên dịch). Đây là công trình rất có giá trị vì nó đã giới thiệu đến độc giả nội dung chi tiết và những bình luận, luận giải thêm cho những nội dung của bộ kinh này.

Về bộ Kinh Lăng nghiêm có công trình *Khai thị luận Kinh Thủ Lăng Nghiêm* của Sa môn Thích Huệ Đăng, Nxb Thế giới, 2013. Công trình này đã phân tích và luận giải khá đầy đủ nội dung, kết cấu của từng quyển (10 quyển) và những chú thích từ nó. Công trình: *Kinh Lăng Nghiêm* do Hòa

thượng Thích Duy Lực dịch và lược giải, Nxb Tôn Giáo, 2012, đã dịch toàn bộ 10 quyển của Bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, chia tách thành từng đoạn và có sự chú giải, phân tích từng đoạn đó.

Về Bộ Kinh Hoa Nghiêm có *Triết học Phật giáo Hoa Nghiêm tông* của Garma C.C. Chang, đây là công trình nghiên cứu về kinh Hoa nghiêm với tư cách là một dòng tư tưởng triết học. Công trình *Siêu hình học tiến trình và triết học Phật giáo Hoa Nghiêm tông* của Steve Odin, Nxb Tôn giáo, 2010 đã coi có mối liên hệ như là cấu trúc đối xứng giữa siêu hình học Tích nhập và hệ thống triết học của Hoa Nghiêm tông chứ không phải là sự bất đối xứng như một số người vẫn nhận định. Bộ *Kinh Hoa Nghiêm đại phương quảng Phật* từ tập 1 đến tập 7 của Hòa thượng Tuyên Hóa là phần trình bày và giảng giải các nội dung của bộ kinh này.

1.4. Chú giải một số thuật ngữ trong luận án và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.4.1. Chú giải một số thuật ngữ trong luận án

- Bản thể luận

Thuật ngữ *bản thể luận* là một trong những hợp phần chủ yếu và quan trọng nhất của triết học truyền thống, thuật ngữ được dùng rộng rãi ngày nay ra đời trước tiên trong triết học phương Tây. Thuật ngữ bản thể luận hay lý luận về bản thể có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ. Nó là sự kết hợp giữa hai từ: *on (ov)* - cái thực tồn, cái đang tồn tại và *logos (λογος)* - lời lẽ, học thuyết,... tạo thành "*Học thuyết về tồn tại*", nhưng thực ra phải được hiểu là lý luận về bản chất của tồn tại. Như vậy, ngay từ đầu bản thể luận được hiểu là học thuyết triết học về bản chất của thực tồn nói chung, tương đối độc lập với các dạng tồn tại cụ thể của nó. Thời đó, thuật ngữ "bản thể luận" chưa được sử dụng với tư cách là một khái niệm mà mới chỉ xuất hiện những tư tưởng về

nó, chỉ đến thế kỷ XVII thuật ngữ này mới chính thức xuất hiện với những cách hiểu đặc thù khác nhau.

Chẳng hạn, các nhà triết học Đức Rudolphus Goclenius (1547-1628) và Johann Clauberg (1622-1665) hay nhà triết học Pháp Jean Baptiste Duhamel (1624-1706) đã sử dụng thuật ngữ bản thể luận để chỉ “triết học thứ nhất” - học thuyết về bản chất của tồn tại nói chung, nghiên cứu tồn tại với tư cách là tồn tại, nên nó có cùng nghĩa với siêu hình học - một hệ thống những định nghĩa phổ biến có tính chất tư biện về tồn tại. Bản thể luận này gồm cả thần học và vật lý học, có đối tượng nghiên cứu là những nguyên tắc, thuộc tính, nguyên nhân, trật tự, quan hệ, tính chân lý của tồn tại (Clauberg). Nhà triết học Wilhelm Wolff (1809-1864, Đức) chia triết học thành triết học thực tiễn và triết học lý luận, coi bản thể luận thuộc triết học lý luận, và ông cũng đồng nhất nó với siêu hình học vốn gồm bốn bộ phận là bản thể luận, vũ trụ luận, tâm lý học và thần học. Nhưng trong thành phần của siêu hình học thì bản thể luận được hiểu là sự tìm kiếm những nguyên nhân sâu xa, khó xác định được bằng cảm tính, bằng tri thức kinh nghiệm, mà chỉ có thể hiểu được bằng tư duy, bằng lý tính. Tuy nhiên, cần có sự phân biệt kỹ hơn giữa hai bộ phận của siêu hình học để có thể hiểu rõ và đúng hơn khái niệm bản thể luận với tư cách là bộ phận quan trọng nhất của siêu hình học: siêu hình học được phân thành siêu hình học đại cương (*metaphysica generalis*) và siêu hình học chuyên ngành (*metaphysica specialis*). Siêu hình học đại cương lấy sự nghiên cứu nguồn gốc sâu xa, quy tắc, cấu trúc cơ bản của tồn tại làm đối tượng nghiên cứu, còn siêu hình học chuyên ngành lại nghiên cứu về thượng đế (Thần học tự nhiên), linh hồn (Tâm lý học tự nhiên) và thế giới (Vũ trụ học). Theo sự phân biệt như thế thì bản thể luận ở *nghĩa rộng* chính là bộ phận siêu hình học đại cương, liên quan đến việc lý giải bản chất cuối cùng của tồn tại, đúng như Aristot đã khẳng định: đó là sự nghiên cứu cái gì đứng đằng sau sự

tồn tại cảm tính của cái thực tồn. Theo *nghĩa hẹp*, bản thể luận chỉ là một bộ môn nghiên cứu bản chất của vũ trụ (chứ không phải của toàn bộ tồn tại nói chung). Hai nghĩa này của bản thể luận hiện nay vẫn được sử dụng đồng thời trong triết học phương Tây hiện đại. Song, cần phải thấy rằng, phần lớn các trường phái triết học trước nay thường hiểu bản thể luận theo nghĩa rộng để xây dựng bản thể luận và nhận thức luận trong mối quan hệ qua lại giữa chúng và luận án này cũng sử dụng khái niệm bản thể luận ở nghĩa rộng như là quan niệm về bản thể, học thuyết về bản chất của tồn tại để giải quyết các vấn đề của mình.

Ngoài ra, còn có thể nêu một số vấn đề khác của bản thể luận như sự đồng dạng của tồn tại, cái tiên nghiệm, mối quan hệ giữa cái thực tồn và tồn tại... Nhưng bản chất của tồn tại luôn là vấn đề trung tâm trong hệ vấn đề bản thể luận, vì việc giải quyết nó sẽ kéo theo và quy định việc giải quyết các vấn đề khác [22, tr. 33-34]. Bản thể luận triết học Phật giáo có thể không đề cập đủ hết các vấn đề nêu trên như ở phương Tây, nhưng việc nêu ra chúng ở đây sẽ là định hướng cần thiết để luận án giải quyết các nhiệm vụ của mình.

- Bản thể luận Phật giáo

Triết học Phật giáo sử dụng khái niệm bản thể với tư cách là bản thể luận để luận giải về khởi nguyên và bản chất của tồn tại.

Theo quan niệm của Phật giáo, bản thể là: "căn bản tự thể của các pháp" [36, tr. 90], mà "Pháp là từ chỉ chung hết thảy mọi sự vật, hiện tượng, dù là to nhỏ, hữu hình, vô hình, chân thực, hư vọng. Sự vật cũng là vật, đạo lý cũng là vật, tất thảy đều là pháp cả" [41, tr. 957]. Theo Kinh Hoa Nghiêm thế giới bản thể gọi là lý pháp giới, thế giới hiện tượng gọi là sự pháp giới. Nó như nước với sóng. Như vậy, bản thể vừa là tâm thức, vừa là vật chất. Nó là cái duy nhất, đầu tiên, là cội nguồn hay thực tại cuối cùng mà trên đó vũ trụ

được hình thành. Nó chỉ ra bản chất, thực tướng của thế giới vạn pháp, của mọi sự tồn tại. Từ bản thể hay chân không, do vô minh, vọng động mà xuất hiện chúng sinh. Các chúng sinh sau khi giải thoát nhờ nỗ lực tu tập lại trở về hoà nhập với bản thể tuyệt đối này.

Lý thuyết về bản thể chủ yếu được sử dụng trong Phật giáo Đại thừa.

- **Đốn ngộ**

Đốn ngộ thành Phật thuyết khởi đầu từ Đạo Sinh (355 – 434): Những người có căn cơ bén nhạy, với phép tu thích hợp, có thể tiến ngay vào cảnh giới giác ngộ chứ không cần tu qua thứ lớp (Tiệm ngộ). Đến thế kỉ thứ VII hình thành hai phái là *Nam đốn* (tổ là Tuệ Năng 638-713), *Bắc tiệm* (tổ là Thần Tú 605-706). Theo tông Pháp tướng thì có 2 hạng Bồ tát là *Bồ tát Bất định tính* và *Bồ tát định tính*. Hạng *Bồ tát Bất định tính* phải qua quá trình tu hành, từ Thanh Văn, qua Duyên Giác mới có thể hồi tâm tiến vào Bồ tát, gọi là *Bồ tát tiệm ngộ* (hay *Bồ tát hồi tâm*), gọi là *Tiệm tu Tiệm ngộ*; *Bồ tát định tính* thì không cần qua quá trình tu tập Thanh Văn, Duyên Giác mà tiến thẳng ngay tức khắc vào giai vị Bồ tát, gọi là *Bồ tát trực vãng* (hay *Bồ tát đốn đại*), gọi là *Đốn tu Đốn ngộ*. Kinh *Hoa Nghiêm* còn được gọi là kinh *Đốn Đại* (Kinh Đại thừa Đốn giáo).

- **Vô chấp, vô trụ**

Chấp (chữ Hán là 執) nghĩa là khăng khăng giữ chặt lấy quan điểm, ý kiến, nhận thức của mình; Đồng nghĩa với có chấp, bảo thủ. *Trụ* (住) là bám, dính, dừng lại ở một đối tượng, nơi chốn nào đó. *Chấp* còn được hiểu theo nghĩa *chấp ngã*, *chấp pháp*. *Chấp* là do tâm phân biệt (vọng tâm) mà giữ chặt (chấp) lấy ý kiến của mình, bám chấp vào các sự vật, sự lí (cũng gọi là *trước*, *chấp trước*). Không biết con người là do Ngũ uẩn giả hợp mà thành, gọi là *chấp ngã*, chấp nhân. Không biết Ngũ uẩn là không, là giả mà cứ bám chấp vào, gọi là *chấp pháp*. Nếu *chấp* thì bị *chướng* (chướng ngại): *Chấp ngã* thì

bị *Phiền não chướng* (chướng ngại trên con đường giác ngộ giải thoát do phiền não gây ra); *Chấp pháp* thì bị *Sở tri chướng* (chướng ngại do sự thấy biết của mình gây ra). *Chấp* còn là *vọng chấp*. Đây là danh từ, là sự chấp trực vào cái sai lầm không có thực, trái với lý duyên khởi. *Ngã chấp* (danh từ) và *Pháp chấp* (danh từ) là *Vọng chấp*. Theo tông Duy thức, *Ngã chấp* và *Pháp chấp* có hai loại là *Phân biệt khởi* và *Câu sinh khởi*. *Chấp phân biệt khởi* là do chịu ảnh hưởng của môi trường, giáo dục, bởi các tà thuyết của tà sư ngoại đạo... mà có. *Chấp câu sinh khởi* là vọng chấp vốn đã có từ trước khi nảy sinh ý thức phân biệt, có từ vô thủy đến nay được huân tập, sinh ra cùng lúc (câu sinh) với con người, do nghiệp bản hữu tích tụ từ muôn kiếp trước. Đây là loại Vọng chấp đích thực, rất khó đoạn trừ. Từ *Vọng chấp* nên mới *Chấp thân*, *Chấp tâm*. Thân, tâm này đều là không, là giả, mà do mê vọng nên chấp là có thật, nên chấp ngã. Đó là cội nguồn của mọi phiền não khổ đau, là chướng ngại lớn trên lộ trình giác ngộ giải thoát.

Vì, về bản chất, thế giới hiện tượng, sự vật luôn biến hiện vô thường, không phải là thật, nên Phật giáo chủ trương muốn giác ngộ giải thoát không được chấp trụ vào hình thức bên ngoài của hiện tượng, sự vật, gọi là “vô chấp vô trụ”.

- Nhất thừa viên giáo

Viên là viên mãn, tròn đầy, ở khắp mọi nơi; *Giáo* là giáo pháp, con đường, biện pháp; *Thừa* là chuyên chở; *Nhất thừa* là giáo pháp cao nhất của Phật giáo Đại thừa. *Nhất thừa viên giáo* là giáo pháp, đầy đủ nhất, cao nhất, có công năng đưa tất cả chúng sinh đến quả vị Phật. Những bộ kinh tuyên dương giáo pháp Nhất thừa (như kinh *Viên Giác*, kinh *Lăng Nghiêm*, kinh *Hoa Nghiêm*...) được gọi là kinh *Nhất thừa*.

- ***Kiến tính thành Phật***

Nghĩa đen “Thấy tính, thấy Phật”. Thiên tông chủ trương để giác ngộ giải thoát, không nên bám chấp vào hình tướng, vào sự tu hành bên ngoài, không cần cầu tìm gì bên ngoài, mà cần dùng trí tuệ Bát Nhã quán chiếu thấy suốt chân tính của tâm mình. *Kiến tính*: Thấy rõ tính Phật trong tâm mình, tức tâm tức Phật; Từ chư Phật cho tới muôn loài chúng sinh đều cùng một tâm thể, đều có Phật tính, đều có thể thành Phật.

- ***Tự tính Viên giác***

Tự tính (chữ Phạn là Svabhava), là bản tính của tự thể, bản tính của chính mình. Phật giáo cho rằng mỗi pháp (sự vật, hiện tượng) trong chư pháp (thế giới hiện tượng sự vật) đều có cá tính thuần túy, không pha tạp, là chân thực bất biến, gọi là *tự tính*. Tuy nhiên, trong Phật giáo Đại thừa, đặc biệt trong luận *Trung quán*, đã tiến sâu hơn một bước, cho rằng tất cả các pháp đều do nhân duyên mà tạo thành, cho nên suy đến cùng không có tự tính nhất định, hay nói đúng hơn chỉ có *tự tính tính không*. Theo *Trung quán*, tự tính còn được gọi là *Minh tính* (minh 冥: thâm kín, không rõ ràng). *Tự tính* theo quan điểm này chính là *Tự tính Viên giác*, tức là cái tự tính ấy vốn có và được giác ngộ một cách đầy đủ viên mãn ở mọi lúc mọi nơi, tùy theo hoàn cảnh. Các kinh *Nhất thừa* đều tập trung làm rõ cho chúng sinh hiểu đầy đủ, chân thực về *Tự tính tính không*, *Minh tính*, hay *Tự tính Viên giác*.

- ***Chủng tử (Hán. 種子 Phạn. Bija)***

Là thuật ngữ trọng yếu của Duy thức học, có nghĩa là *hạt giống*, là *nhân* sinh ra tất cả các hiện tượng vật chất (sắc pháp) và tinh thần (tâm pháp). Chủng tử được tích tập trong Tạng thức (Thức thứ 8, A-lại-da thức), để rồi kết hợp với 7 thức khác (do: mắt, tai, mũi, lưỡi, cơ quan cảm giác, ý thức, ấn tượng – Mạt-na thức đem lại) tạo nên hình ảnh chủ quan (sai lầm) về thế giới khách quan. Chủng tử sở biến (hay còn gọi là Chủng tử sinh hiện hành, chủng

tử sinh hiện) tức là chúng tử trong tạng thức phát sinh ra sự hiện hành của các pháp (sức pháp và tâm pháp).

- ***Nhất chân pháp giới***

Nhất là một; *chân* là chân thực, không vọng; giao thoa, dung nhiếp tất cả các pháp nên gọi là *pháp giới*. Là thuật ngữ chỉ pháp thân (tự tính thân, chân lí do Phật nói ra). Phật và chúng sinh, vốn không sinh không diệt, không bám vào danh tướng hình thức, không trong không ngoài, không có không không, mà chỉ có MỘT CHÂN THỰC; Không thể dùng ngôn ngữ, khái niệm để nghĩ, bàn về nó.

- ***Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng, hành vô hành hành***

Chỉ hình thức và cảnh giới rốt ráo, tuyệt đối của *Tu*, *Chứng* và *Hành* theo tinh thần của Nhất thừa viên giáo. *Tu mà như là không tu*, không bám chấp vào sự tu, không cố gắng để tâm vào sự tu; Sẽ đạt được, chứng ngộ được một cách tự nhiên, không có định kiến, *không có cảm giác, ấn tượng là đã được chứng ngộ*; Từ đó, hành (làm, động tâm khởi niệm) thuận theo lẽ tự nhiên, không cưỡng cố, không chủ tâm, *làm mà như không làm*.

- ***Chân Tâm thường trụ***

Chân tâm là tâm chân thực vốn có, là bản tính của tâm, ở đây là nói tới bản tính vốn có Phật tính của tâm; Đối lập với *Chân tâm* là *Vọng tâm*, cái tâm phân biệt, hư vọng của loại phàm phu, được nảy sinh trong hoạt động thực tiễn, do *lục căn* tiếp xúc với *lục trần*. Chân tâm thường trụ là Chân tâm luôn luôn có ở trong thẳm sâu tâm thức, tâm thể của tất cả chúng sinh cũng như chư Phật.

- ***Chân Như***

Chân như, chữ Phạn là Tathata, dùng để chỉ bản thể chân thực bao trùm khắp cả vũ trụ, là cội nguồn, là bản thể của hết thảy mọi sự vật và hiện tượng. Còn có các tên gọi khác là Như như, Như thực, Pháp tính, Thực tướng, Như lai tạng, Pháp thân, Phật tính, Tự tính thanh tịnh tâm, Nhất tâm, Bất tư nghi

giới (cảnh giới không thể nghĩ bàn). Ở đây, quan niệm *Nhân vô ngã, Pháp vô ngã*, vượt qua mọi sự sai biệt, so sánh thì gọi là *Chân như*. Hình tướng (hình thức bên ngoài) tuy có sự sai biệt nhưng bản thể là một, là *Chân như*.

- ***Pháp hữu vi***

Pháp ở đây là nói về Cảnh sở duyên theo Duy thức học, tức là các đối tượng để có sự phân biệt của Thức thứ sáu (Ý thức). *Pháp hữu vi* là các pháp do tạo tác mà có, do nhân duyên hòa hợp mà có, được thể hiện, nhận biết qua bốn hình thức là Sinh (xuất hiện), Trụ (tồn tại, nó là nó), Di (biến đổi, khác đi), Diệt (nó không còn là nó). Ngược lại với *Pháp hữu vi* là *Pháp vô vi*, tức là pháp vĩnh viễn, bất biến, tồn tại tuyệt đối.

- ***Nhất thiết duy tâm tạo***

Là cách nói khác của quan điểm triết học *Nhất thừa viên giáo* là *Pháp giới duy tâm*. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: Nhược nhân dục liễu tri/ Tam thể nhất thiết Phật/ Ứng quán pháp giới tính/ Nhất thiết duy tâm tạo (Nếu mọi người muốn biết rốt ráo/ Về tất cả các Phật ở ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai/ Thì nên quán chiếu các đối tượng của thức thứ sáu (Ý thức) mà hiểu rằng/ Tất cả đều do tâm tạo ra). Cái tâm tạo ra các pháp ở đây là *Vọng tâm* chứ không phải *Chân tâm*. Pháp ở đây là *Pháp hữu vi* chứ không phải là *Pháp vô vi*.

- ***Viên dung vô ngại***

Viên mãn tròn đầy, dung thông mà không bị chướng ngại, ngăn cách. Mọi sự vật vẫn giữ nguyên bản tính tròn đầy không thiếu khuyết, giữ nguyên vị trí của mình, là một thể hoàn chỉnh duy nhất nhưng vẫn dung nhiếp lẫn nhau. Một trong muôn và muôn trong một, trong trùng trùng pháp giới.

- ***Lý chân tâm***

Viết gọn của thuật ngữ *Lí nhập chân tâm*. Nhờ giáo nghĩa mà ngộ được tâm tông, tin một cách sâu sắc lí phàm thánh nhất như, lắng tâm quán xét, không thấy có mình cũng không thấy có người, xa lìa ngôn ngữ văn tự, vắng

lặng vô vi, thâm hợp với chân lí để hiểu được cái sâu kín của *Chân tâm*, vốn bị vô minh che lấp.

- Pháp giới tính

Pháp giới, chữ Phạn là Dharma-dhātu, chỉ đối tượng của nhận thức, tức là mọi hiện tượng, sự vật của tự nhiên, xã hội và tư duy. *Tính* ở đây là cái tính bản nhiên vốn có của các pháp, không hoại diệt, thuộc về bản chất, là *Nhất chân pháp giới*, *Nhất chân vô ngại pháp giới*. Vậy, Pháp giới tính là bản chất tự nhiên vốn có, thuộc về bản chất của mọi sự vật, hiện tượng, quá trình.

- Phổ chiếu nhất thiết pháp giới

Phổ chiếu là soi chiếu khắp cả; *Nhất thiết pháp giới* được dùng ở đây là tất cả các pháp (sự vật, hiện tượng) trong mọi không gian và ở mọi thời gian. Cụ thể ở đây là Thập pháp giới: Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác, Thiên, Nhân, Tu la, Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục. Vậy *Phổ chiếu nhất thiết pháp giới* được hiểu là sự soi chiếu được mọi pháp trong thế giới.

- Vô thực tại tính ; Hữu thực tại tính

Quan điểm của tông *Duy thức* và tông *Hoa Nghiêm* (*Nhất thừa viên giáo*) chủ trương tất cả các pháp đều do *Tâm thức* hiện ra, *Tâm thức* tạo nên. Tiến xa hơn nữa, vì *Tâm thức* có được phải nhờ vào *Cảnh* (hiện tượng, sự vật, tư duy), mà *Cảnh* là không, không có tự tính cho nên ngay cả *Tâm thức* cũng không, cũng vô tự tính. Vậy, vô thực tại tính là không có tự tính, là không phải thực tại hay là thực tại không. Do vậy, *Thực tại luận* của *Nhất thừa viên giáo* không phải *Duy tâm luận*, cũng không phải *Duy vật luận*, mà là *Không luận*. *Hữu thực tại tính* là để đối lập với *Vô thực tại tính*, dùng để chỉ có một thực tại duy nhất là *Nhất chân pháp giới*.

- Sát na

Khái niệm chỉ một đơn vị được dùng phổ biến trong kinh điển Phật giáo, với nhiều dẫn dụ giải thích khác nhau nhưng tựu chung lại là dùng để

chỉ một khoảng thời gian ngắn nhất, không thể định lượng được bao nhiêu thì gọi là sát na. Khoảng thời gian sinh – diệt của vạn vật xảy ra cực ngắn, gần như đồng thời, gọi là *Sát na sinh diệt* hay *Sát na vô thường*.

- ***Viên chiếu, Biến chiếu***

Chiếu (照) là nhắm tới, soi sáng, so sánh, làm cho hiểu rõ... *Viên chiếu* là soi sáng, thấu hiểu khắp trong không gian, không thiếu khuyết chỗ nào. *Biến chiếu* là soi sáng thấu hiểu khắp tất cả trong không gian và thời gian.

- ***Quán chiếu***

Dùng trí tuệ quán xét thấu triệt lí và sự của các pháp để thấy rõ ràng. Còn dùng trí tuệ siêu việt để soi rọi rõ *thực tướng* (bản chất chân thực tuyệt đối) về sự (hiện tượng) và lí (bản chất) của các pháp thì gọi là *Quán chiếu Bát nhã* (một trong *Ngũ chủng Bát nhã – Năm loại Bát nhã*).

- ***Viên giác diệu tâm***

Giác ngộ, hiểu biết viên mãn đầy đủ (*Viên giác*) về *Diệu tâm*. *Diệu tâm* là thể tính sâu xa vi diệu của tâm, không thể dùng ngôn ngữ khái niệm để nghĩ bàn về nó, mà phải qua phép tỉ dụ, so sánh, hoặc thực hành tu chứng để tự mình nhận biết, tức là để nhận biết về bản thể chân như, về thực tướng (bản chất tuyệt đối chân thực) của sự vật và hiện tượng.

- ***Chân không diệu hữu***

Chân không là cái không chân thực, đã li lìa được chấp ngã và chấp pháp. *Diệu hữu* là cái Hữu (Có) vi diệu, là điều kiện tính cho *Chân không* tồn tại. Như vậy, *Chân không diệu hữu* là một thuật ngữ của Triết học Phật giáo Đại thừa: Tất cả sự vật hiện tượng đều do các điều kiện (nhân duyên) hạ hợp mà thành, cho nên nó không có thực thể (Không), mà chỉ có sự tồn tại của dạng biến dịch (Giả có- Diệu hữu). Cả hai, *Chân không* và *Diệu hữu* là hai mặt có quan hệ biện chứng với nhau của thực tướng (Bản chất) của sự vật và hiện

tượng, là điều kiện tính cho sự tồn tại của nhau. *Không* ở đây không phải là hư không, *Có* (Hữu) ở đây không phải là hiện hữu có thực thể.

- **Huyễn**

Chữ Phạn là Maya, chữ Hán là 幻 (huyễn, ảo): Tính từ, có nghĩa là giả, không thực, giả mà hết như thực (huyễn cảnh: Cảnh không thực; huyễn thân: thân ảo giả không thực; huyễn tâm: vọng tâm, tâm không thực, tâm không có thực thể); Động từ, có nghĩa là giả dối, làm mê hoặc người khác, làm biến hóa (huyễn hóa); Danh từ, chỉ sự vật biến hóa nhanh chóng, khó tìm được rõ chân tướng (kinh *Kim Cương*: *Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*, nghĩa là *Tất cả các pháp hữu vi, đều như mơ, như ảo, như bọt, như bóng*).

- **Huyễn tu huyễn**

Lấy huyễn tu huyễn, tức là về bản chất phải nhận thức được tu là huyễn, đối tượng để thực hành tu cũng là huyễn là ảo nhưng khi kết thúc thì cả Tâm tu và Cảnh tu đều diệt hết, huyễn tâm và huyễn cảnh đều diệt hết, đến cả sự *nhận thức* trên cũng diệt nốt, chỉ còn cái *Chân không tự tính*, đó chính là *Viên giác tự tính*.

- **Tri và ly**

Tri là biết, biết về lí duyên sinh, biết lí vô thường giả tạm của chư pháp... *Ly* là lìa, là không chấp trước, không chấp ngã, chấp pháp, đến rốt ráo là lìa bỏ không còn ấn tượng về sự “lìa bỏ” ấy nữa, chỉ còn một chân tâm vắng lặng an nhiên tự tại, tu như không tu, chứng như không chứng, làm như không làm...

- **Huyễn trần diệt**

Trần, chữ Phạn là Rajas (chữ Hán là 塵), nghĩa đen là hạt bụi. Nghĩa rộng được hiểu như Cảnh, chỉ đối tượng dẫn sinh cảm giác, tư duy của sáu căn là mắt, tai, lưỡi, thân và ý. Sáu căn (Lục căn) tiếp xúc với Sáu trần (Lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) làm cho tâm thức bị ô nhiễm, sinh ra Vọng tâm, tạo nên cảm giác sai lầm. Trần/Cảnh luôn không có thực tướng,

nên là huyễn, là giả, là không thực. Khi cái huyễn trần bị diệt thì cái huyễn tâm cũng bị diệt (vì không còn đối tượng, không còn điều kiện tính của huyễn tâm), chỉ còn lại một cái Chân như bất sinh bất diệt, không thường không đoạn, không có không không. Vậy, Huyền trần diệt là sự loại bỏ những chấp chướng không thực, những cảm giác sai lầm để trở về với bản thể đích thực.

- ***Đại triệt đại ngộ***

Đại triệt là thấu tận đáy, suốt đến đáy. *Đại triệt đại ngộ* là hoàn toàn thấu suốt đến cùng cực chân lí của nhân sinh. Sách *Thiền lâm bảo huấn* viết: Chỉ cầu được đại triệt. Nếu người đã được đại triệt ngộ thì tinh thần điều hòa, hơi thở lặng lẽ, dung mạo kính cẩn, sắc tướng đoan trang.

- ***Thúc liễm thân, khẩu, ý***

Thúc (束) là buộc, bó lại; liễm (斂) là kiềm chế, ngăn chặn. Nghĩa là phải ước thúc, kiềm chế việc làm, lời nói, suy nghĩ, không để buông thả theo trần theo cảnh để sinh vọng tâm.

1.4.2. Một số vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Phần tổng quan trên cho thấy, mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về bản thể luận Phật giáo và các bộ kinh, nhưng nhìn chung, chúng vẫn là những nghiên cứu tản mạn, chưa có tính hệ thống. Đặc biệt, khi nghiên cứu về các bộ kinh thì các công trình trên đều chủ yếu tập trung vào phân tích và giảng giải các nội dung của từng kinh mà ít lấy ra những tư tưởng triết học từ các bộ kinh này. Vấn đề đặt ra là:

Thứ nhất, bản thể luận là một thuật ngữ được sử dụng ở phương tây, nhưng những nội dung luận bàn về khởi nguyên và bản chất tồn tại của thế giới luôn là những tư tưởng căn bản trong dòng chảy của tư tưởng triết học ở cả phương đông và phương tây. Vì vậy, nghiên cứu quan niệm về bản thể luận phương đông, cụ thể ở đây là bản thể luận Phật giáo để minh chứng những điểm

đặc thù và đặc sắc của triết học phương đông, trong đó có triết học Phật giáo là một trong những nội dung cơ bản mà luận án muốn hướng tới để làm rõ.

Thứ hai, là tôn giáo, nhưng những nội dung của giáo lý Phật giáo cũng thấm đẫm những tư tưởng triết học thể hiện trong các quan niệm bản thể luận và nhận thức luận. Nghiên cứu các bộ đại kinh như Kinh Viên Giác, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm để lấy ra những tư tưởng triết học trong đó, đặc biệt là quan niệm bản thể luận, là nhiệm vụ trọng tâm nhất của luận án.

Thứ ba, để có cơ sở khái quát những giá trị căn bản của triết học Phật giáo thì việc luận giải quan niệm bản thể luận của triết học Phật giáo qua ba bộ kinh, từ đó chỉ ra ý nghĩa và giá trị của những quan điểm này là rất cần thiết, trên cơ sở đó khẳng định những giá trị tư tưởng to lớn của triết học Phật giáo trong đời sống xã hội cả trong quá khứ và hiện nay.